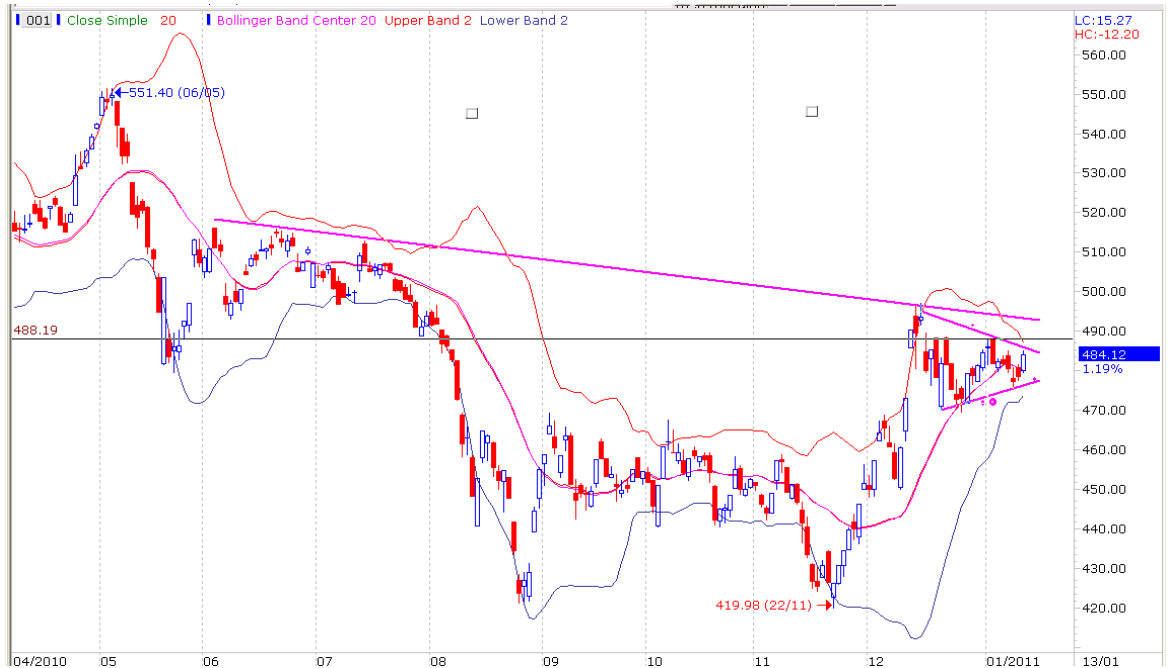


NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

**Tăng điểm
với khối
lượng yếu**



VN-Index mở cửa tăng nhẹ 1,5 điểm lên 479,95 điểm, trong khi thanh khoản đợt 1 giảm mạnh với chỉ 423 triệu đơn vị, tương đương với 10,6 tỷ đồng. Với lực cầu được duy trì tốt, VN-Index tiếp tục đà tăng điểm trong suốt thời gian giao dịch và đóng cửa ở mức cao trong phiên tại 484,12 điểm, tăng 5,67 điểm, tương đương với mức tăng 1,19% so với phiên trước. Tại thời điểm kết thúc phiên, có 181 cổ phiếu tăng giá, 50 cổ phiếu đứng giá và 42 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu BVH, VIC, DPM và hầu hết cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng tăng điểm trong khi MSN, FPT, HAG giảm điểm. Dòng tiền trong phiên hôm nay cũng có dấu hiệu quay trở lại với các cổ phiếu penny-chips như DZM, MIM, APP, IJC, RAL...khi các cổ phiếu này đồng loạt đóng cửa với giá trần.

Tuy chỉ số tăng điểm mạnh, thanh khoản giảm so với phiên trước với khối lượng khớp lệnh toàn phiên chỉ đạt 24,7 triệu đơn vị, trị giá 608,8 tỷ đồng. Tổng khối lượng giao dịch đạt 29 triệu, tương đương với 774,1 tỷ đồng giá trị. Các cổ phiếu SSI, STB, ITA, MCG tiếp tục là các cổ phiếu có thanh khoản lớn nhất trên thị trường.

Sau phiên bán ròng hôm qua, khối ngoại hôm nay quay trở lại mua ròng 2,68 triệu đơn vị, tương đương 78,5 tỷ đồng. Trong đó, họ mua vào gần 4 triệu đơn vị trị giá 143 tỷ đồng và bán ra 1,2 triệu đơn vị, trị giá 65 tỷ đồng. Các cổ phiếu SBT, STB, DPM, PVD là các cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất trong phiên.

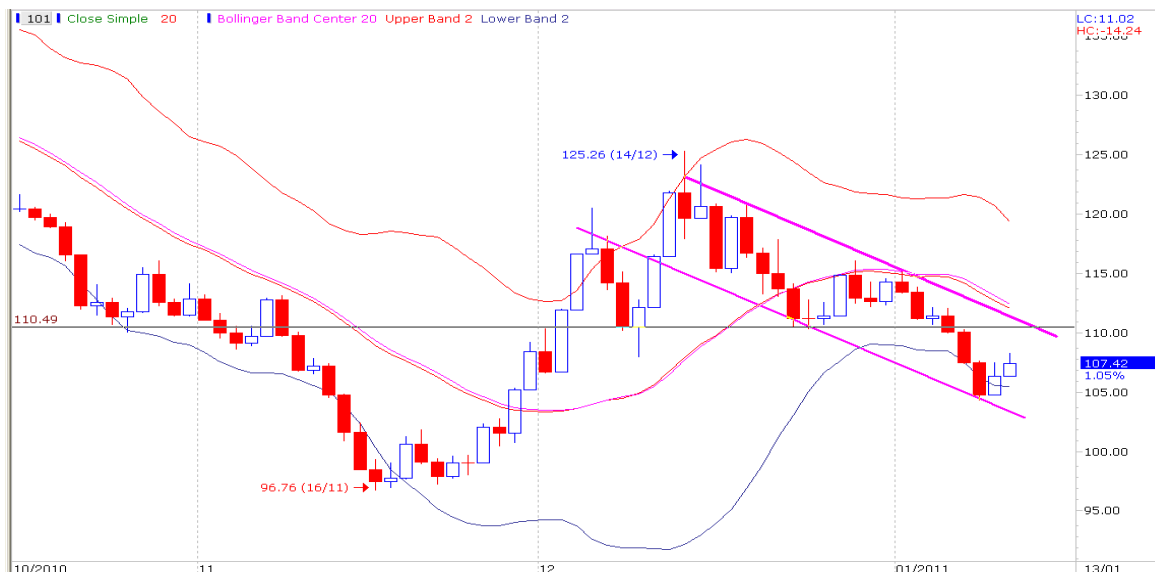
Thị trường có phiên bật nhẹ với khối lượng thấp hôm nay. Điều này tạo ra rủi ro là thị trường sẽ điều chỉnh trong 1,2 phiên tới. Phiên hôm nay, thị trường cũng chạm vào ngưỡng kháng cự bên trên ở khu vực 486 điểm. Điều này khiến xác suất thị trường điều chỉnh trong 1,2 phiên tới sẽ tăng cao.

Trong trường hợp thị trường tiếp tục tăng điểm, nhà đầu tư nên chờ đợi thị trường phản ứng tại khu vực 493 điểm, nếu thị trường vượt qua 493 điểm với khối lượng khá thì nhà đầu tư nên mua

vào, còn trường hợp ngược lại không vượt qua 493 điểm thì nhà đầu tư nên tăng tỷ trọng tiền mặt. Trong trường hợp thị trường chốt lời mạnh và giảm điểm, thị trường sẽ có hỗ trợ tốt tại khu vực 476 điểm. Nhà đầu tư nên mua vào cổ phiếu nếu thị trường không giảm xuống dưới 476 điểm. Trong trường hợp thị trường giảm xuống dưới 476 điểm thì xu hướng đi ngang của thị trường sẽ còn kéo dài có thể qua tết âm lịch, sau đó mới quyết định xu hướng tăng tiếp hay giảm.

HNX:

**Kháng cự
mạnh tại 110
điểm**



HNX-Index tiếp tục có một phiên phục hồi nhẹ. Chỉ số tăng điểm nhẹ từ đầu phiên, tăng mạnh hơn về nửa cuối phiên dưới ảnh hưởng tích cực của VN-Index và đóng cửa với 107,42 điểm, tăng 1,12 điểm, tương đương với 1,05% so với phiên trước. Các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng và chứng khoán như ACB, BVS, KLS, VND... tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường. Tại thời điểm kết thúc phiên, toàn thị trường có 214 mã tăng giá, 91 mã đứng giá và 67 mã giảm giá.

Thanh khoản giảm sút với chỉ 21,1 triệu đơn vị khối lượng, trị giá 384,8 tỷ đồng được chuyển nhượng. KLS, HBB, SHN, PVX, VND là các cổ phiếu dẫn đầu về thanh khoản. Khối ngoại giảm mạnh giao dịch trên sàn, toàn phiên họ mua ròng 2,66 tỷ đồng, trong đó 3,1 tỷ đồng được mua vào và 424,5 triệu đồng được bán ra. Các cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất là KLS, PSI, HBS, LUT.

Hnx-Index đã tiếp tục phục hồi trong phiên giao dịch ngày hôm nay với biên độ giao động trung bình, giá đóng cửa gần mức giữa và sụt giảm về thanh khoản cho thấy sức cầu vẫn còn yếu. Có thời điểm trong phiên chỉ số Hnxindex được đẩy lên tiến gần sát đến mức kháng cự 109-110, ngay khi chỉ số Hnxindex được đẩy lên đến gần khu vực này thì một lượng cung lớn ồ ạt được bán ra làm cho chỉ số Hnxindex quay trở lại. Thanh khoản sụt giảm trong phiên tăng điểm cho thấy nhà đầu tư tiếp tục nghi ngờ về tăng trưởng bền vững của thị trường.

Ngày mai thị trường sẽ gặp kháng cự mạnh tại 110 điểm và chúng tôi cho rằng thị trường sẽ khó vượt qua. Nếu thị trường sụt giảm và giảm xuống dưới 104 điểm thì nhà đầu tư nên bán ra vì thị trường vẫn xấu và thậm chí có thể giảm sâu hơn nữa.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng theo biến động chung của thị trường, hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm PVN đều tăng giá trong phiên giao dịch hôm nay. Trong 31 cổ phiếu niêm yết, chỉ có 1 cổ phiếu (PPS) giảm giá, còn lại 6 cổ phiếu đứng giá và 24 cổ phiếu tăng giá. Các cổ phiếu tăng nhiều nhất là PVV tăng 6,67%, PXT tăng 4,21% và DPM tăng 2,98%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1,34 % và tổng khối lượng giao dịch đạt gần 6 triệu đơn vị. Trong phiên, có 1,37 triệu cổ phiếu PVX được chuyển nhượng. Thanh khoản của DPM cũng khá cao với 732 ngàn đơn vị được giao dịch.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 13/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18,600	110,900	↑ 2.20	1.40	8.00	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	12,300	-	→ 0.00	1.11	39.23	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,300	35,100	→ 0.00	1.20	97.28	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12,500	161,600	↑ 1.63	0.55	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,400	204,600	→ 0.00	1.54	1.86	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14,000	334,200	↑ 1.45	1.20	5.79	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,000	130,000	↓ -1.64	1.03	24.88	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,100	137,700	↑ 0.77	1.13	10.20	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10,300	36,500	↑ 1.98	0.64	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	40,800	112,200	↑ 0.99	2.18	5.94	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	25,100	293,000	↑ 2.03	1.93	6.40	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14,800	79,500	↑ 0.68	1.31	6.24	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,800	27,800	→ 0.00	0.57	9.62	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,100	119,700	→ 0.00	1.58	7.56	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13,600	243,200	↑ 0.74	1.21	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	10,800	19,900	↑ 0.93	0.61	20.31	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,200	336,400	↑ 0.50	1.66	5.29	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	16,000	102,900	↑ 6.67	1.31	6.22	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20,900	1,372,100	↑ 1.46	1.39	6.74	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,000	723,310	↑ 2.98	2.57	8.78	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16,500	146,190	↑ 2.48	0.99	6.73	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	36,700	93,400	↑ 1.94	3.28	5.42	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11,600	49,400	↑ 0.87	0.49	12.83	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,000	306,850	↑ 1.96	3.94	14.89	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	24,100	92,490	↑ 1.26	2.25	49.12	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,000	109,450	↑ 2.04	0.84	39.29	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	13,900	113,150	↑ 1.46	1.34	6.28	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9,500	322,310	↑ 1.06	0.86	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,100	12,230	↑ 0.83	1.03	9.37	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,700	138,910	→ 0.00	1.38	6.32	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9,900	27,330	↑ 4.21	0.84	12.47	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11,000	38,900	↓ -5.17	0.98	24.65	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	5,200	4,000	→ 0.00	0.53	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,300	8,000	↓ -1.19	0.75	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,000	9,800	↑ 2.94	0.70	N/A	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	8,400	-	→ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Thị trường Mỹ: Bộ Tài chính Mỹ vừa công bố thâm hụt ngân sách tháng 12/2010 là 80 tỷ USD, giảm 11 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2009. Đây là một con số khả quan so với thâm hụt tháng 10 và tháng 11 lần lượt là 140,43 và 150,39 tỷ USD. Tuy nhiên với thâm hụt ngân sách 1.294 năm 2010 tính đến thời điểm hiện tại, nước Mỹ đã đối diện với tình trạng chi vượt thu ròng rõ suốt 27 tháng liên tiếp, dài nhất trong lịch sử.

Lạm phát ở các nước đang phát triển khiến giá nhập khẩu và thị trường Mỹ tháng 12 tăng 1.1, đưa phần trăm cả năm tăng 4.8%. Giá hàng thực phẩm tăng 1.3%, và giá trang thiết bị công nghiệp tăng 2.8%. Giá xuất khẩu cũng tăng 0.7% trong tháng 12 này, cả năm tăng 6.5%, trong đó mặt hàng phi nông nghiệp tăng 5.1%, mức tăng mạnh nhất từ 1987.

Khu vực Eurozone: Đức tiếp tục thể hiện vai trò đầu tàu trong tăng trưởng của khu vực Eurozone. Cơ quan Thống kê Đức công bố GDP năm 2010 tăng 3.6%, mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ khi thống nhất vào năm 1992 sau khi sụt giảm 4.7% trong năm 2009. Trong đó, nhu cầu nội địa đóng góp 2.5% vào tăng trưởng GDP, ngành thương mại đóng góp 11%. Đầu tư cơ bản tăng 5.5%, với xuất khẩu tăng vọt 14.2% còn nhập khẩu tăng 13%. Đồng thời trong năm qua, số người thất nghiệp giảm 262,000 và góp phần thúc đẩy chi tiêu hộ gia đình trong nửa cuối năm, chi tiêu tư nhân tăng 0.5%.

Chính phủ Bồ Đào Nha đã bán thành công 650 triệu EUR trái phiếu đáo hạn vào năm 2014 và 599 triệu EUR trái phiếu đáo hạn năm 2020 với lợi suất lần lượt là 5.39% và 6.72%. Tổng cộng 1.25 tỷ EUR trái phiếu (tương đương 1.62 tỷ USD) trái phiếu Chính phủ. Điều này đã xoa dịu phần nào tâm lý lo sợ của nhà đầu tư rằng nước này có thể buộc phải xin giải cứu.

Châu Á: Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) quyết định nâng lãi suất thêm 0.25% lên 2.75% để kiểm soát lạm phát, trái với dự báo giữ nguyên của đa số các nhà kinh tế. Giải thích cho việc tăng lãi suất này, BOK cho rằng áp lực lạm phát sẽ còn kéo dài trong các tháng tới giữa bối cảnh nền kinh tế ngày càng cải thiện và với sự gia tăng giá nhà ở, sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, và sự tăng giá của đồng won. Thời gian tới, BOK sẽ áp dụng chính sách tiền tệ nhằm giữ vững sự ổn định của giá cả khi nền kinh tế tiếp tục đạt được đà tăng trưởng vững chắc.

Trong nước: Tổ chức nghiên cứu và giáo dục Heritage Foundation (Mỹ) vừa công bố bản báo cáo khảo sát tình hình tự do kinh tế tại 183 nền kinh tế trên khắp thế giới. Trong đó, điểm

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC

số về tự do kinh tế của Việt Nam trong năm nay là 51,6/100 Việt Nam, tăng 1,8 điểm, xếp thứ 139, tiến năm bậc so với bảng xếp hạng năm ngoái. Với điểm số này, Việt Nam xếp thứ 30 trên tổng số 41 nền kinh tế thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)



Giá vàng kỳ hạn (COMEX)



Giá vàng quốc giảm nhẹ trong khi chờ động thái từ trái phiếu Tây Ban Nha và Ý, trong nước tiếp tục tăng.

Giá vàng tiếp tục tăng trở lại: nợ công Bồ Đào Nha, tình hình lạm phát của các quốc gia trên toàn thế giới đang phát huy tác dụng làm tăng giá kim loại quý này. Giá vàng giao ngay trên sàn COMEX vào 16:00 GMT+7 ở mức 1385.21\$/ounce, tăng 0.34%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 đóng cửa ở mức 1385.6, tăng 0.7%. Giá vàng kỳ vọng sẽ còn tăng trong thời gian tới khi nhu cầu mua trang sức ở Trung Quốc tăng lên trong dịp Tết Nguyên Đán.

Giá dầu tăng trên 90\$/thùng: sau sự cố tại đường ống dẫn dầu Alaska, để đảm bảo nguồn dầu dự trữ đề phòng trường hợp tương tự xảy ra, các quốc gia cung cấp dầu ở Trung Đông và Châu Á cho biết sẽ kiểm soát chặt nguồn cung ra thị trường. Điều này khiến giá dầu hôm nay tăng mạnh, lên trên mốc 90\$ thùng. Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York giao dịch ở mức 91.27USD/thùng (2.26%). Giá dầu Brent tăng 0.03%, lên 97,26\$/thùng.

Giá vàng trong nước: hôm nay tiếp tục tăng theo xu thế vàng thế giới, sáng nay giá vàng giao dịch trung bình quanh mức 35,80/35.88 (mua vào bán ra), tăng 60,000 đồng. Cụ thể, giá vàng SJC giao dịch ở mức 35,80 – 35,88 triệu đồng/lượng, tăng 70 nghìn đồng/lượng so với hôm qua. Giá vàng SBJ tại Sacombank ở mức 35,85 – 35,89 triệu đồng/lượng. Tỷ giá đôla trên thị trường tự do không thay đổi, ổn định quanh mức 21,070/21,110 (mua vào/bán ra).

Trái với dự đoán, giá đồng thế giới giảm trong tháng 12 khi nhu cầu từ Trung Quốc giảm xuống: tháng 12/2010 tổng lượng nhập khẩu đồng và các sản phẩm của Trung Quốc đã giảm xuống 344.558 tấn. Giá đồng đã giảm 3.3% trong ba phiên liên tiếp tại New York, mức giảm lớn nhất kể từ tháng 6/2010. Giá đồng giao tháng 3/2011 giảm 1,8% tương đương 0,4%, giao dịch ở mức 4,2645USD/pounce.

Bộ Tài chính không đồng ý tăng giá thép: Tổng công ty Thép Việt Nam kiến nghị Cục quản lý giá cho tăng giá bán thép với lý do các yếu tố chi phí tăng giá quá cao, như: chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trực tiếp tăng 4,03%, chi phí bán hàng tăng 291,6% so với kỳ trước. Công ty Thép Vinakoyei cũng đăng ký mức tăng 84.000đồng/tấn so với kỳ trước. Để thực hiện mục tiêu kiểm soát và kiềm chế lạm phát, Cục Quản lý giá đã bác đề nghị này, yêu cầu Tổng công ty Thép Việt Nam, Công ty Thép Vinakoyei tiết kiệm chi phí, giữ ổn định và không tăng giá thép.

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	UPCOM	15	12/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	07/01/2011
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010

Lịch niêm yết lần đầu

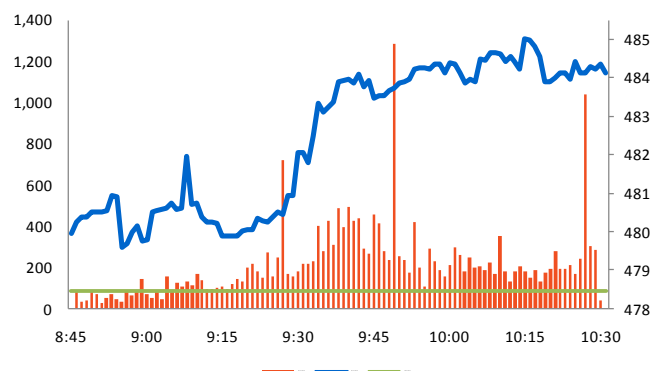
Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011

Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

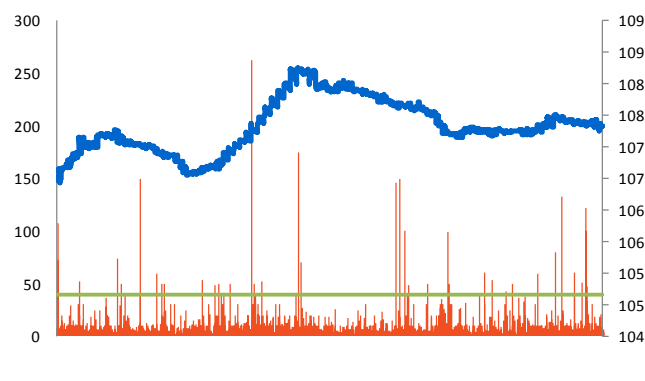
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	484.12 ↑	5.67	1.19%
KLGD (triệu ck)	29.07 ↓	-12.14	-29.46%
GTGD (tỷ đồng)	744.08 ↓	-443.36	-37.34%
Tổng cung (triệu ck)	49.80 ↑	1.47	3.04%
Tổng cầu (triệu ck)	69.20 ↑	7.39	11.95%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.98 ↑	1.73	77.10%
KL bán (triệu ck)	1.29 ↓	-1.67	-56.30%
Giá trị mua (tỷ đồng)	143.68 ↑	65.51	83.81%
Giá trị bán (tỷ đồng)	65.18 ↓	-76.63	-54.04%



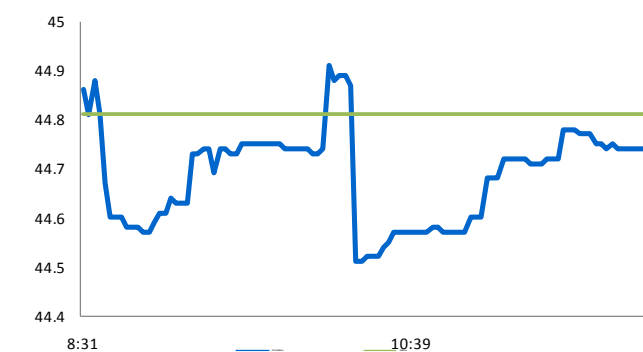
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	107.42 ↑	1.12	1.05%
KLGD (triệu ck)	21.08 ↓	-3.51	-14.26%
GTGD (tỷ đồng)	384.49 ↓	-84.73	-18.06%
Tổng cung (triệu ck)	34.51 ↓	-2.16	-5.89%
Tổng cầu (triệu ck)	44.50 ↓	-3.69	-7.65%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.79 ↑	0.31	63.54%
KL bán (triệu ck)	0.22 ↓	-0.60	-73.19%
Giá trị mua (tỷ đồng)	17.22 ↑	7.80	82.78%
Giá trị bán (tỷ đồng)	3.74 ↓	-13.06	-77.72%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.74 ↓	-0.06	-0.13%
KLGD (triệu ck)	0.53 ↑	0.45	577.77%
GTGD (tỷ đồng)	3.97 ↑	3.10	353.94%
Tổng cung (triệu ck)	0.62 ↑	0.02	2.98%
Tổng cầu (triệu ck)	0.49 ↑	0.07	16.88%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.39 ↑	0.39	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	2.34 ↑	2.34	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
HAG	79,000	78,500	-0.63	56,992
SSI	29,500	29,900	1.36	50,939
DPM	36,900	38,000	2.98	26,997
CTI	45,200	45,000	-0.44	25,859
KSS	25,500	26,700	4.71	21,805

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
BAS	6,000	6,300	300	5.00
TS4	20,000	21,000	1,000	5.00
UDC	14,000	14,700	700	5.00
SC5	34,300	36,000	1,700	4.96
KSH	36,500	38,300	1,800	4.93

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MDG	20,000	19,000	-1,000	-5.00
VSI	16,100	15,300	-800	-4.97
VTF	15,800	15,100	-700	-4.43
CLW	9,500	9,100	-400	-4.21
MHC	8,100	7,800	-300	-3.70

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
DPM	16,422	DHG	12,364
PVD	13,872	DPM	8,444
HAG	12,978	HAG	7,711
DHG	12,329	TRC	6,900
HPG	8,902	PVD	6,201

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
KLS	14,400	14,600	1.39	32,637
VND	20,600	20,900	1.46	29,567
PVX	20,600	20,900	1.46	28,572
SHN	21,100	22,000	4.27	27,726
HBB	10,800	11,000	1.85	18,095

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HJS	10,000	10,700	700	7.00
QHD	17,200	18,400	1,200	6.98
SVI	23,200	24,800	1,600	6.90
MIM	20,400	21,800	1,400	6.86
TSM	19,100	20,400	1,300	6.81

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MIC	37,600	35,000	-2,600	-6.91
DNC	16,000	14,900	-1,100	-6.88
MKV	27,000	25,200	-1,800	-6.67
TV2	15,300	14,300	-1,000	-6.54
SDY	12,500	11,700	-800	-6.40

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VCG	5,702	PVS	2,188
PVX	2,983	VND	618
PVS	2,633	WSS	398
VND	1,464	IDJ	310
NET	1,026	NAG	48

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
VPC	6,100	6,200	1.64	2,389
NT2	11,600	11,000	-5.17	448
PEC	21,000	21,000	0.00	215
PFV	32,500	34,000	4.62	170
ITD	13,200	13,500	2.27	152

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
VCT	11,300	12,400	1,100	9.73
DNS	8,500	9,300	800	9.41
LCC	4,500	4,900	400	8.89
ICI	9,100	9,800	700	7.69

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NOS	15,700	10,000	-5,700	-36.31
ACC	30,500	27,000	-3,500	-11.48
IN4	9,000	8,100	-900	-10.00
NDC	6,300	5,700	-600	-9.52
BMJ	17,100	15,700	-1,400	-8.19

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VPC	2,335		0
HIG	6		0

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339